

Số: **1204** /QĐ-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày **07** tháng **4** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa “Nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến xuất khẩu thủy sản từ giai đoạn nuôi trồng, khai thác, nhập khẩu nguyên liệu, chế biến đến xuất khẩu”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản (tại Tờ trình số 425/TTr-TCTS-PCTTr ngày 07 tháng 3 năm 2017) và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa “Nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến xuất khẩu thủy sản từ giai đoạn nuôi trồng, khai thác, nhập khẩu nguyên liệu, chế biến đến xuất khẩu” theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổng cục Thủy sản, Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Cục Thú y, Cục Chăn nuôi, các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện tham mưu xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật theo phương án đơn giản hóa.

Vụ Pháp chế tổng hợp, đôn đốc các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Thú y, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Bộ trưởng (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ;
- Website Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Website Tổng cục Thủy sản;
- Lưu: VT, TCTS (30b).



Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,
QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN XUẤT KHẨU THỦY SẢN TỪ GIAI
ĐOẠN NƯỚC TRONG KHAI THÁC, NHẬP KHẨU NGUYÊN LIỆU, CHẾ
BIẾN XUẤT KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1204 /QĐ-BNN-TCTS ngày 07 tháng 4 năm 2017
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. HỦY BỎ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SAU:

1. Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm (mã số: không có).
2. Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để khảo nghiệm (mã số: B-BNN-199292-TT).
3. Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản nhập khẩu có thời hạn (mã số: không có).
4. Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản nhập khẩu có thời hạn (mã số: không có).
5. Mở rộng phạm vi hoạt động Tổ chức chứng nhận sản phẩm thủy sản được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) (mã số: B-BNN-240941-TT).
6. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản lần đầu và khi thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh (mã số: không có).
7. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản đối với cơ sở đăng ký kiểm tra lại (mã số: không có).
8. Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản (mã số: không có).
9. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu (mã số: B-BNN-199439-TT và B-BNN-199581-TT).
10. Cấp sổ thuyền viên tàu cá (mã số: không có).
11. Cấp phép cho cơ sở đủ điều kiện bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tàu cá, thẩm định và Cấp phép tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng máy trưởng tàu cá hạng tư và năm cho các cơ sở đào tạo (mã số: không có).
12. Đăng ký xác nhận hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra (mã số: không có).
13. Đăng ký xác nhận lại hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra (mã số: không có).
14. Khai báo và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản nhập khẩu dùng làm nguyên liệu gia công chế biến xuất khẩu (mã số: B-BNN-213393-TT).

II. NỘI DUNG ĐƠN GIẢN HÓA CHI TIẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

1. Thủ tục hành chính: Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-241383-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Không yêu cầu nộp bản sao công chứng Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư. Chỉ yêu cầu bản sao chụp, có đóng dấu của cơ sở.

Lý do: Cơ quan nhà nước có thể xác minh. Trong trường hợp cần thiết thì kiểm tra bản chính trong quá trình thực hiện kiểm tra tại cơ sở.

(ii) Nội dung 2: Không yêu cầu nộp bản sao công chứng Văn bằng tốt nghiệp của 02 nhân viên kỹ thuật. Chỉ yêu cầu bản sao chụp, có đóng dấu của cơ sở.

Lý do: Trong trường hợp cần thiết thì kiểm tra bản chính trong quá trình thực hiện kiểm tra tại cơ sở.

(iii) Nội dung 3: Bãi bỏ thành phần “Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề phù hợp”.

Lý do: sẽ thực hiện trong quá trình kiểm tra tại cơ sở.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.957.200 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.473.660 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 483.540 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,71 %.

2. Thủ tục hành chính: Công nhận lại cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-241396-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Nghiên cứu, xem xét có thể gộp TTHC này với TTHC Công nhận đơn vị đủ điều kiện khảo nghiệm giống thủy sản (Đăng ký lần đầu).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.966.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.966.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

3. Thủ tục hành chính: Đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-241397-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

↳

(i) Nội dung 1: Bổ sung nội dung cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm (đối với giống nhập khẩu) khi cấp phép khảo nghiệm.

Lý do: Hoạt động đăng ký khảo nghiệm giống là một nội dung để thực hiện cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm và ngược lại. Nếu đề nghị khảo nghiệm của Doanh nghiệp về khảo nghiệm giống không được chấp thuận cũng có nghĩa không phát sinh hoạt động nhập khẩu giống để khảo nghiệm và ngược lại.

(ii) Nội dung 2: Bỏ thành phần hồ sơ là Hợp đồng khảo nghiệm giữa cơ sở yêu cầu khảo nghiệm với cơ sở khảo nghiệm.

Lý do: Hợp đồng khảo nghiệm giữa cơ sở yêu cầu khảo nghiệm với cơ sở khảo nghiệm là quan hệ dân sự tự thỏa thuận của hai bên theo quy định của pháp luật, cơ quan quản lý nhà nước không cần can thiệp và hoạt động này.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 13 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.894.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.688.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 205.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,31 %.

4. Thủ tục hành chính: Công nhận giống thủy sản mới

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-241403-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: Trong quá trình xây dựng Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT đã rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.966.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.966.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

5. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để khảo nghiệm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: Nội dung này đã được bổ sung vào TTHC đăng ký khảo nghiệm giống thủy sản. Khi cho phép khảo nghiệm đồng thời cho phép nhập khẩu để khảo nghiệm nhằm giảm chi phí cho doanh nghiệp. Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT đã rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ Khoản 3 Điều 32 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT và sửa đổi Điều 13 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.949.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.949.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

6. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để nghiên cứu
Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.952.700 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.952.700 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

7. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản để giới thiệu tại hội chợ triển lãm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: Trong quá trình xây dựng Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT đã rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.613.280 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.613.280 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

8. Tên Thủ tục hành chính: Khai báo và kiểm dịch đối với thủy sản giống vận chuyển trong nước (bao gồm cả giống được đánh bắt ngoài tự nhiên)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213640-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa

(i) Nội dung: bỏ Bản sao phiếu kết quả xét nghiệm bệnh thủy sản và Bộ trình tự khai báo, doanh nghiệp chỉ phải đăng ký một lần là thực hiện kiểm dịch.

Lý do: Tạo thông thoáng cho doanh nghiệp.

Ghi chú: Nội dung trên đã được đơn giản hóa tại Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT thay thế Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT.

(ii) Nội dung: Sửa tên TTHC thành kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

Lý do: Tạo thông thoáng cho doanh nghiệp, doanh nghiệp chỉ phải đăng ký một lần là thực hiện kiểm dịch.

b) Kiểm nghị thực thi: Rà soát, sửa đổi Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT theo hướng doanh nghiệp chỉ phải nộp hồ sơ tại một cơ quan (Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đã thay thế Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT).

Ghi chú: Điều 55 Luật Thú y và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đã thống nhất theo hướng doanh nghiệp chỉ phải đăng ký một lần là thực hiện kiểm dịch và đã thay đổi tên TTHC thành “Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.244.435.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.162.235.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 82.200.200 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,61 %.

9. Thủ tục hành chính: Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước (bao gồm cả TTHC khai báo kiểm dịch)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213447-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Quy định rõ các bản sao khi nộp chỉ cần có xác nhận sao y của chủ hàng.

Lý do: Giảm chi phí chứng thực hồ sơ.

Ghi chú: Đã được đơn giản hóa tại Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT thay thế Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

(ii) Nội dung 2: Giảm thời gian làm thủ tục hành chính từ 11 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian chờ đợi thực hiện thủ tục hành chính.

Ghi chú: Đã được đơn giản hóa tại Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT thay thế Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT.

(iii) Nội dung 3: Bổ sung quy định số lượng hồ sơ.

Lý do: Quy định cụ thể về số lượng hồ sơ.

Ghi chú: Đã được đơn giản hóa tại Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT thay thế Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

(iv) Nội dung 4: Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email, fax (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

Lý do: Quy định cụ thể về việc nộp hồ sơ.

Ghi chú: Đã được đơn giản hóa tại Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT thay thế Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

L

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Điều 4 và Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT, Điều 18 Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT và các văn bản liên quan.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 900.930.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 804.565.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.365.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,7%.

10. Thủ tục hành chính: Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-241408-TT và B-BNN-241417-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Rà soát nội dung các chỉ tiêu kiểm dịch và kiểm tra chất lượng nếu có chỉ tiêu trùng nhau thì bỏ chỉ tiêu đó.

Lý do: Đơn giản hóa TTHC, tạo thông thoáng cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT và Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT, các văn bản liên quan (nếu có).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.806.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.806.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

11. Thủ tục hành chính: Cho phép khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193655-TT và B-BNN-193637-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Gộp với thủ tục cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để khảo nghiệm.

(i) Nội dung 1: Bỏ yêu cầu gửi “Hợp đồng khảo nghiệm giữa cơ sở đăng ký khảo nghiệm với đơn vị thực hiện khảo nghiệm có tên trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận”.

Lý do: Việc cho phép khảo nghiệm cơ bản dựa vào đề cương khảo nghiệm, trong đề cương cũng đã thể hiện được tên đơn vị khảo nghiệm có tên trong danh sách được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận.

(ii) Nội dung 2: Bỏ yêu cầu gửi “Bản cam kết của doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hoá”.

Lý do: Đây là thủ tục đăng ký khảo nghiệm nên không cần đến thành phần hồ sơ này.

↓

(iii) Nội dung 3: Sửa yêu cầu bản sao chứng thực “đ) Bản sao chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép thành lập văn phòng đại diện” thành “đ) Bản sao chụp có đóng dấu của cơ sở đăng ký khảo nghiệm Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép thành lập văn phòng đại diện”.

Lý do: Chỉ cần bản sao chụp có đóng dấu xác nhận của cơ sở, cơ quan nhà nước cần thiết kiểm tra xác minh vẫn có thể xác minh qua mã số thuế trên bản sao chụp bằng cách tra cứu mã số thuế.

(iv) Nội dung 4: Bổ sung nội dung cấp phép nhập khẩu vào TTHC này và xem xét lại việc quy định quản lý bằng danh mục thức ăn, cần quản lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Lý do: tạo thông thoáng cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Theo Điều 23 Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 46.185.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 43.510.650 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.674.350 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,79 %.

12. Thủ tục hành chính: Công nhận thức ăn thủy sản mới

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193660-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 26.507.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 26.507.250 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

13. Thủ tục hành chính: Công nhận thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193572-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Chỉ yêu cầu “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (bản sao sao chụp, chỉ nộp lần đầu)”.

Lý do: Tạo thông thoáng cho doanh nghiệp. Không cần bản sao chứng thực, trường hợp cần thiết sẽ xác minh.

(ii) Nội dung 2: Bổ sung quy định sau khi cấp chứng nhận lưu hành sẽ thực hiện kiểm tra chất lượng ngẫu nhiên, nếu vi phạm sẽ rút giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm. Bổ sung quy định kiểm tra điều kiện cơ sở trước khi cấp lưu hành sản phẩm”.

L

Lý do: Đảm bảo công tác quản lý về điều kiện, chất lượng.

(iii) Nội dung 3: Nghiên cứu, xem xét sự cần thiết của TTHC này, nên quản lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; cơ quan nhà nước chỉ tổng hợp các sản phẩm đang được doanh nghiệp sản xuất, khi doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục hợp chuẩn, hợp quy thì gửi một bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý để tổng hợp các sản phẩm đang được sản xuất. Danh mục chỉ là việc do cơ quan nhà nước đứng ra tổng hợp để làm công tác thống kê, hoạch định quản lý. Xây dựng quy chuẩn thức ăn, bổ sung các TCVN để đảm bảo cơ sở cho việc bỏ quản lý bằng danh mục. Bổ sung quy định tăng cường công tác hậu kiểm. Bổ sung quy định kiểm tra điều kiện và cấp chứng nhận đủ điều kiện cơ sở.

Lý do: Tăng cường quản lý về điều kiện cơ sở, hậu kiểm về chất lượng sản phẩm.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa điểm a khoản 2 điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 và các văn bản có liên quan.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.066.200.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.966.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 100.200.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,27 %.

14. Thủ tục hành chính: Công nhận lại thức ăn thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193582-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Chỉ yêu cầu nộp bản sao chụp đóng dấu của cơ sở Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (bản sao chứng thực, chỉ nộp lần đầu).

Lý do: Đơn giản hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân.

(ii) Nội dung 2: Nghiên cứu, xem xét sự cần thiết của TTHC này, nên quản lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; cơ quan nhà nước chỉ tổng hợp các sản phẩm đang được doanh nghiệp sản xuất, khi doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục hợp chuẩn, hợp quy thì gửi một bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý để tổng hợp các sản phẩm đang được sản xuất. Danh mục chỉ là việc do cơ quan nhà nước đứng ra tổng hợp để làm công tác thống kê, hoạch định quản lý. Xây dựng quy chuẩn thức ăn, bổ sung các TCVN để đảm bảo cơ sở cho việc bỏ quản lý bằng danh mục. Bổ sung quy định tăng cường công tác hậu kiểm. Bổ sung quy định kiểm tra điều kiện và cấp chứng nhận đủ điều kiện.

Lý do: Tăng cường quản lý về điều kiện cơ sở, hậu kiểm về chất lượng sản phẩm.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa khoản 2 điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.365.525.000 đồng/năm.

L

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.259.550.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 105.975.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,76 %.

15. Thủ tục hành chính: Công nhận thay đổi thông tin của thức ăn thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193586-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa

(i) Nội dung 1: Không yêu cầu bảo sao chứng thực “Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trong trường hợp đổi tên cơ sở sản xuất, tên thương mại thức ăn chăn nuôi nhập khẩu)”.

Lý do: Chi cần bản sao chụp có đóng dấu xác nhận của cơ sở, cơ quan nhà nước cần thiết kiểm tra xác minh vẫn có thể xác minh qua mã số thuế trên bản sao chụp bằng cách tra cứu mã số thuế.

(ii) Nội dung 2: Nghiên cứu, xem xét sự cần thiết của TTHC này, nên quản lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; cơ quan nhà nước chỉ tổng hợp các sản phẩm đang được doanh nghiệp sản xuất, khi doanh nghiệp hoàn thành các thủ tục hợp chuẩn, hợp quy thì gửi một bộ hồ sơ đến cơ quan quản lý để tổng hợp các sản phẩm đang được sản xuất. Danh mục chỉ là việc do cơ quan nhà nước đứng ra tổng hợp để làm công tác thống kê, hoạch định quản lý. Xây dựng quy chuẩn thức ăn, bổ sung các TCVN để đảm bảo cơ sở cho việc bỏ quản lý bằng danh mục. Bổ sung quy định tăng cường công tác hậu kiểm. Bổ sung quy định kiểm tra điều kiện và cấp chứng nhận đủ điều kiện cơ sở.

Lý do: Tăng cường quản lý về điều kiện cơ sở, hậu kiểm về chất lượng sản phẩm.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa khoản 2 điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 164.773.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 149.155.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.618.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,45 %.

16. Thủ tục hành chính: Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Hai văn bản cùng quy định 1 TTHC. Bỏ nội dung cấp phép nhập khẩu ở Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT. Thực hiện theo TTHC tại Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ nội dung cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm tại Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT thống nhất thực hiện theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

↓

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.021.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.021.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

17. Thủ tục hành chính: Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193608-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Hai văn bản cùng quy định 1 TTHC nên đề nghị sửa quy định tại Khoản 3 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT.

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ nội dung cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm. Sửa Khoản 3 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014 (áp dụng theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.275.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.275.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

18. Thủ tục hành chính: Chấp thuận cho nhập khẩu thức ăn thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam để sản xuất, gia công nhằm mục đích tái xuất

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193609-TT

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.801.600 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.801.600 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

19. Thủ tục hành chính: Chỉ định Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không

a) Nội dung đơn giản hóa

(i) Nội dung 1: Không yêu cầu cung cấp bản sao chứng thực “b) Bản sao chứng thực quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi”. Kéo dài thời gian có hiệu lực của quyết định chỉ định là 05 năm nhằm giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

L

Lý do: trong trường hợp cần thiết sẽ xác minh, mặt khác các tổ chức được chỉ định thì cơ quan quản lý (Tổng cục Thủy sản) cũng có danh sách này.

(ii) Nội dung 2: Đơn vị được chỉ định là tổ chức chứng nhận sự phù hợp thức ăn thủy sản chỉ được tham gia các hoạt động xã hội hóa, hoạt động thực hiện theo cơ chế giá, chứng nhận sự phù hợp theo Luật Tiêu chuẩn quy chuẩn, không phải là hoạt động chứng nhận chất lượng thức ăn nhập khẩu, cần sửa đổi theo hướng: cơ quan quản lý nhà nước sẽ chứng nhận thức ăn thủy sản nhập khẩu đạt hoặc không đạt chất lượng.

Lý do: theo đúng Luật Tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.564.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.104.100 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 459,900 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,0 %.

20. Thủ tục hành chính: Chỉ định lại Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Không yêu cầu cung cấp bản sao chứng thực “b) Bản sao chứng thực quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi”. Kéo dài thời gian có hiệu lực của quyết định chỉ định là 05 năm nhằm giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

Lý do: trong trường hợp cần thiết sẽ xác minh, mặt khác các tổ chức được chỉ định thì cơ quan quản lý (Tổng cục Thủy sản) cũng có danh sách này.

(ii) Nội dung 2: Đơn vị được chỉ định là tổ chức chứng nhận sự phù hợp thức ăn thủy sản chỉ được tham gia các hoạt động xã hội hóa, hoạt động thực hiện theo cơ chế giá, chứng nhận sự phù hợp theo Luật Tiêu chuẩn quy chuẩn, không phải là hoạt động chứng nhận chất lượng thức ăn nhập khẩu, cần sửa đổi theo hướng: cơ quan quản lý nhà nước sẽ kiểm tra chứng nhận chất lượng thức ăn thủy sản nhập khẩu theo Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Lý do: theo đúng Luật Tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.582.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.582.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

L

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

21. Thủ tục hành chính: Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản nhập khẩu có thời hạn

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục doanh nghiệp phải làm hồ sơ để đăng ký Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu, sửa lại theo hướng cơ quan có thẩm quyền căn cứ, đối chiếu với tiêu chuẩn đủ điều kiện giảm, miễn kiểm tra và ra thông báo gửi cá nhân, tổ chức và các cơ quan liên quan.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.733.450 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.733.450 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

22. Thủ tục hành chính: Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản nhập khẩu có thời hạn

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục doanh nghiệp phải làm hồ sơ để đăng ký Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu; sửa lại theo hướng cơ quan có thẩm quyền căn cứ, đối chiếu với tiêu chuẩn đủ điều kiện giảm, miễn kiểm tra và ra thông báo gửi cá nhân, tổ chức và các cơ quan liên quan như hải quan.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.733.450 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.733.450 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

23. Thủ tục hành chính: Công nhận chất lượng thức ăn thủy sản nhập khẩu chưa được phép lưu hành tại Việt Nam

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193598-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Sửa tên TTHC này theo hướng là thủ tục đăng ký lưu hành thức ăn thủy sản nhập khẩu. Nghiên cứu đưa ra quy định quản lý theo hướng chặt chẽ đối với sản phẩm nhập khẩu, những sản phẩm đã được sản xuất, sử dụng rộng rãi ở các nước, không có hoạt chất mới thì được nhập khẩu vào Việt Nam; bên cạnh đó đưa ra nội dung quản lý cụ thể, minh bạch, không phiền hà.

Lý do: Trong Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 08/2010/NĐ-CP không quy định đến nội dung công nhận này. Mặt khác kết quả của việc thực hiện TTHC này là đưa vào lưu hành.

↳

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa khoản 3 điều 1 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.757.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.653.920.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 103.680.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,53 %.

24. Thủ tục hành chính: Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn thủy sản nhập khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-193615-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Quy định rõ kiểm tra chất lượng bao gồm cả chỉ tiêu về kiểm dịch (nếu có) đối với các nguyên liệu có nguồn gốc từ thủy sản.

- Thành phần hồ sơ: Rà soát, bổ sung biểu mẫu liên quan đến yêu cầu về kiểm tra chất lượng và dịch bệnh (nếu có).

- Mẫu đơn, tờ khai: Rà soát, sửa lại theo hướng bổ sung các thông tin bao gồm cả kiểm tra chất lượng và chỉ tiêu về bệnh (nếu có).

- Sửa trình tự thực hiện: Thực hiện theo trình tự của kiểm tra chất lượng hàng hoá theo thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 và các văn bản sửa đổi.

- Cơ quan thực hiện: Tổng cục Thủy sản hoặc cơ quan quản lý thủy sản khi được ủy quyền.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa Điều 6 Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT.

- Sửa Điều 1 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016, theo hướng bổ sung nội dung “Thông tư này không áp dụng đối với nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm có nguồn gốc từ thủy sản (bột cá, bột tôm, bột mực, bột sò, dầu cá, mỡ cá, dầu gan mực và các sản phẩm từ thủy sản khác) nhập khẩu”.

- Bỏ điểm 7 mục II Phụ lục 1 của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.

- Bổ sung cách thức thực hiện: Qua Hải quan một cửa quốc gia hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 451.730.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 451.730.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

25. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để khảo nghiệm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-199292-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

✓

(i) Nội dung: Bỏ TTHC này và gộp với đăng ký khảo nghiệm. Trong quá trình xem xét cho phép khảo nghiệm sẽ cấp phép nhập khẩu.

b) **Kiến nghị thực thi:** Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 35 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT và sửa Điều 23 Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT.

c) **Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.535.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 12.535.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

26. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để nghiên cứu
Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-003904-TT.

a) **Nội dung đơn giản hóa:** Chỉ yêu cầu bản sao chụp đóng dấu của cơ sở đối với đề cương nghiên cứu và Bộ hồ sơ Giấy chứng nhận GMP.

Lý do: Khi xem xét hồ sơ đề nghị cấp phép sẽ xem xét luôn đề cương nghiên cứu để quyết định có cấp phép hay không cấp phép nhằm giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp và người dân.

b) **Kiến nghị thực thi:** Sửa Khoản 4 Điều 35 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

c) **Lợi ích phương án đơn giản hóa:**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 232.074.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 230.663.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.411.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,61 %.

27. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để giới thiệu tại hội chợ triển lãm.

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-003904-TT.

a) **Nội dung đơn giản hóa:** Bỏ thành phần hồ sơ “Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm (Certificate of free sale) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp; giấy chứng nhận GMP”. Bỏ TTHC này ở Điều 6 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

Lý do: Do doanh nghiệp xin nhập về để giới thiệu tại hội chợ triển lãm, không kinh doanh nên có thể bỏ thành phần hồ sơ này.

b) **Kiến nghị thực thi:** Sửa khoản 5 Điều 35 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/2/2015. Sửa Điều 6 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

c) **Lợi ích phương án đơn giản hóa**

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23.484.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.220.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.264.800 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60,74 %.

28. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản để phân tích tại phòng thử nghiệm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ quy định tại Điều 6 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014. Thống nhất thực hiện theo Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

Lý do: Hai văn bản cùng quy định một nội dung.

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ quy định tại Điều 6 Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.304.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.660.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 3.644.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43,88 %.

29. Tên Thủ tục hành chính: Kiểm dịch sản phẩm thủy sản nhập khẩu (bao gồm: Thủy sản sống; Sản phẩm thủy sản ở dạng nguyên con; Sản phẩm thủy sản ở dạng tươi, sơ chế, bảo quản lạnh; Xương, mai, vỏ của động vật thủy sản chưa qua xử lý; Thủy sản, sản phẩm thủy sản nhập khẩu với mục đích sử dụng làm thực phẩm để tiêu thụ trực tiếp không qua chế biến; Bột cá, bột tôm, bột sò, dầu cá, mỡ cá và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi, thức ăn cho thủy sản).

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213484-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Chỉ thực hiện kiểm tra chất lượng đối với Bột cá, bột tôm, bột sò, dầu cá, mỡ cá và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn cho thủy sản, giảm thủ tục kiểm dịch, bổ sung chỉ tiêu về dịch bệnh (nếu có) vào nội dung kiểm tra chất lượng, theo hướng:

- Thành phần hồ sơ: Bổ sung biểu mẫu liên quan đến yêu cầu về dịch bệnh (nếu có) vào biểu mẫu kiểm tra chất lượng.

- Mẫu đơn, tờ khai: Sửa lại theo hướng bổ sung các thông tin chỉ tiêu về bệnh (nếu có) vào biểu mẫu kiểm tra chất lượng.

- Sửa trình tự thực hiện: Thực hiện theo trình tự của kiểm tra chất lượng hàng hoá theo thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 và các văn bản sửa đổi.

- Cơ quan thực hiện: Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản do Tổng cục Thủy sản (hoặc cơ quan quản lý thủy sản khi được ủy quyền) thực hiện, dùng sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm sẽ do Cục Chăn nuôi thực hiện.

Lý do: Đơn giản hóa TTHC, tạo thông thoáng cho doanh nghiệp, tránh phiền hà, giảm chi phí cho doanh nghiệp. Theo đúng nguyên tắc “một lô hàng một đơn vị quản lý”.

b) Kiến nghị thực thi:

↳

- Sửa Điều 6 Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT ngày 10/10/2011 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2011/TT-BNNPTNT.

- Sửa Điều 1 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 (bổ sung nội dung “Thông tư này không áp dụng đối với nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm có nguồn gốc từ thủy sản (bột cá, bột tôm, bột mực, bột sò, dầu cá, mỡ cá, dầu gan mực và các sản phẩm từ thủy sản khác) nhập khẩu”.

- Bỏ điểm 7 mục II Phụ lục 1 của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT.

- Bổ sung cách thức thực hiện: qua Hải quan một cửa quốc gia hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.127.585.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.127.585.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

30. Thủ tục hành chính: Công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

Ghi chú: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 14.555.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.555.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

31. Thủ tục hành chính: Cấp phép khảo nghiệm, thử nghiệm sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ: Bản chính Phiếu kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm; Bản chính Hợp đồng khảo nghiệm, thử nghiệm.

Lý do: đây là thủ tục cho phép khảo nghiệm nên không cần phiếu kiểm nghiệm, không can thiệp vào việc hợp đồng của các đơn vị.

b) Kiến nghị thực thi: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 103.907.500 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 91.577.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 12.330.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,87 %.

32. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản để khảo nghiệm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung: Bỏ TTHC này.

Lý do: bổ sung nội dung cấp phép nhập khẩu khi cho phép khảo nghiệm khi đó sẽ giảm thiểu TTHC đối với doanh nghiệp mà vẫn đáp ứng yêu cầu quản lý.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa khoản 3 Điều 34 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.620.600 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7.620.600 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

33. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP hoặc của cơ quan độc lập nước sản xuất. Chỉ yêu cầu sao chụp đề cương nghiên cứu đã được phê duyệt.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa khoản 4 Điều 34 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.135.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.101.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 4.034.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39,8 %.

34. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản để giới thiệu tại hội chợ triển lãm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm (CFS)” và bỏ Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP hoặc của cơ quan độc lập nước sản xuất, chỉ đăng ký nhập khẩu một lượng nhỏ vào triển lãm, không mang tính thương mại nên bỏ CFS được.

Lý do: Do doanh nghiệp xin nhập về để giới thiệu tại hội chợ triển lãm, không kinh doanh nên có thể bỏ các thành phần hồ sơ này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa khoản 5 Điều 34 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/2/2015.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.352.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.927.750 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.424.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 45,3 %.

35. Thủ tục hành chính: Cấp phép nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản để làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất đã được chứng nhận GMP hoặc của cơ quan độc lập nước sản xuất.

Lý do: Do doanh nghiệp xin nhập về để làm mẫu phòng thử nghiệm nên đơn giản hoá hồ sơ này.

(ii) Nội dung 2: Bỏ Giấy chứng nhận lưu hành tự do của sản phẩm.

Lý do: Do doanh nghiệp xin nhập về để làm mẫu phòng thử nghiệm nên không cần thiết hồ sơ này.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Khoản 6 Điều 34 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/2/2015.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.479.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.835.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.644.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 43 %.

36. Thủ tục hành chính: Cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, khảo nghiệm, thử nghiệm, kinh doanh sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: Đề nghị bỏ TTHC này vì chỉ cần yêu cầu về trình độ chuyên môn được đào tạo của người hành nghề là đủ, đáp ứng tinh thần của Luật Đầu tư 2015.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Điều 23, Điều 24, Điều 25 Thông tư 23/2015/TT-BNNPTNT.

Ghi chú: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.678.725.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.678.725.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

37. Thủ tục hành chính: Cấp lại chứng chỉ hành nghề sản xuất, khảo nghiệm, thử nghiệm, kinh doanh sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: chỉ cần yêu cầu về trình độ chuyên môn được đào tạo của người hành nghề là đủ, đáp ứng tinh thần của Luật Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Điều 23, Điều 24, Điều 25 Thông tư 23/2015/TT-BNNPTNT.

Ghi chú: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 289.625.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 289.625.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

38. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm, xử lý cải tạo môi trường

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ “Chứng chỉ hành nghề”.

Lý do: Đã đề nghị bỏ TTHC cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Kiến nghị thực thi: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.862.33.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.811.230.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 51.100.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,74 %.

39. Thủ tục hành chính: Cấp lại giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm, xử lý cải tạo môi trường

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đăng ký

đầu tư (hoặc Giấy phép đầu tư); Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp. chứng chỉ hành nghề sản xuất hoặc nhập khẩu sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường.

Lý do: Đây là thủ tục đăng ký lại nên đơn giản hóa những thành phần hồ sơ không cần thiết, đã nộp trong đăng ký lần đầu. Đã đề nghị bỏ TTHC cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Kiến nghị thực thi: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 386.851.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 354.081.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 32.770.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,47 %.

40. Thủ tục hành chính: Cấp gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp.

Lý do: Cấp gia hạn nên có thể bỏ thành phần hồ sơ này vì đã nộp lần đầu.

(ii) Nội dung 2: Bỏ Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) kết quả kiểm tra, đánh giá và phân loại điều kiện

Lý do: Cấp gia hạn nên có thể bỏ thành phần hồ sơ này vì đã nộp lần đầu.

(iii) Nội dung 3: Bỏ Bản chính thuyết minh quy trình sản xuất.

Lý do: Cấp gia hạn nên có thể bỏ thành phần hồ sơ này vì đã nộp lần đầu.

b) Kiến nghị thực thi: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 103.251.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 82.265.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.950.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,3 %.

41. Thủ tục hành chính: Cấp thay đổi thông tin Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản

↳

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp); Giấy chứng nhận đầu tư; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp.

Lý do: Cấp gia hạn nên có thể bỏ thành phần hồ sơ này vì đã nộp lần đầu.

(ii) Nội dung 2: Bỏ Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) kết quả kiểm tra, đánh giá và phân loại điều kiện.

Lý do: Cấp gia hạn nên có thể bỏ thành phần hồ sơ này vì đã nộp lần đầu.

b) Kiến nghị thực thi: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 89.320.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 81.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 8.220.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,2 %.

42. Thủ tục hành chính: Kiểm tra chất lượng sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ tờ khai hàng hóa nhập khẩu, ảnh hoặc bản mô tả sản phẩm.

Lý do: Trong Hóa đơn đã thể hiện về thông tin hàng hóa.

b) Kiến nghị thực thi: Do Pháp lệnh thú y hết hiệu lực, Luật thú y không điều chỉnh nên đã bãi bỏ thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 640.360.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 498.240.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 142.120.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,19 %.

43. Thủ tục hành chính: Kiểm tra, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (đăng ký kiểm tra lần đầu)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung: Rút ngắn thời gian giải quyết, cụ thể: Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản giảm từ 10 (mười) ngày làm việc xuống còn 05 (năm) ngày làm việc;

↓

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 96 Luật Thú y không quy định “Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản”.

(ii) Nội dung: Bỏ quy định nộp bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Quy định chỉ cần nộp bản sao y đóng dấu doanh nghiệp; Bỏ quy định nộp bản sao có công chứng chứng chỉ hành nghề.

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 96 Luật Thú y không quy định “phải nộp bản có công chứng”.

(iii) Nội dung: Quy định chỉ nộp bản sao chụp.

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 51/2009/TT-BNN ngày 21/8/2009 quy định kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dung trong thú y, thú y thủy sản.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 96 Luật Thú y đã đơn giản hóa theo nội dung trên.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.468.563 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.181.825 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 286.378 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,27 %.

44. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (đăng ký kiểm tra lại)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết, cụ thể: Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản giảm từ 10 (mười) ngày làm việc xuống còn 05 (năm) ngày làm việc; Sửa đổi: bản sao chụp đóng dấu doanh nghiệp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đã được cấp; Bỏ sung cách thức thực hiện: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 96 Luật Thú y không quy định “Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản”.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 51/2009/TT-BNN ngày 21/8/2009 quy định kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dung trong thú y, thú y thủy sản.

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 96 Luật Thú y đã đơn giản hóa theo nội dung trên.

h

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.716.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.016.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.700.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,45 %.

45. Thủ tục hành chính: Cấp gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết, cụ thể: Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản giảm từ 10 (mười) ngày làm việc xuống còn 05 (năm) ngày làm việc;

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 51/2009/TT-BNN ngày 21/8/2009 quy định kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dung trong thú y, thú y thủy sản.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 96 Luật Thú y không quy định về gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.355.813 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.563.063 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.792.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,42%.

46. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc thú y (đăng ký lần đầu)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết, cụ thể: Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản giảm từ 10 (mười) ngày làm việc xuống còn 05 (năm) ngày làm việc; Sửa đổi quy trình kiểm tra, đánh giá và quy định sử dụng kết quả chứng nhận hợp quy trong trường hợp cơ sở có chứng nhận hợp quy về điều kiện vệ sinh thú y; Chỉ yêu cầu bản sao chụp đóng dấu doanh nghiệp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đã được cấp; Bổ sung cách thức thực hiện: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 98 Luật Thú y không quy định “Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản”.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 51/2009/TT-BNN ngày 21/8/2009 quy định kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dung trong thú y, thú y thủy sản.

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 98 Luật Thú y không quy định “Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.054.938 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 903.850 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.151.088 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 56,02 %.

47. Thủ tục hành chính: Kiểm tra, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc thú y (đăng ký kiểm tra lại)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết, cụ thể: Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản giảm từ 10 (mười) ngày làm việc xuống còn 05 (năm) ngày làm việc;

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 98 Luật Thú y không quy định “Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản”.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 51/2009/TT-BNN ngày 21/8/2009 quy định kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dung trong thú y, thú y thủy sản.

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 98 Luật Thú y không quy định “Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.530.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 715.500 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 815.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,25 %.

48. Thủ tục hành chính: Cấp gia hạn chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh xuất nhập khẩu thuốc thú y

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết, cụ thể: Trả lời tính hợp lệ của hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và trả lời bằng văn bản giảm từ 10 (mười) ngày làm việc xuống còn 05 (năm) ngày làm việc; Sửa đổi quy trình kiểm tra, đánh giá và quy định sử dụng kết quả chứng nhận hợp quy trong trường hợp cơ sở có chứng nhận hợp

quy về điều kiện vệ sinh thú y. Bổ sung cách thức thực hiện: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 98 Luật Thú y không quy định về gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 51/2009/TT-BNN ngày 21/8/2009 quy định kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hoá chất dung trong thú y, thú y thủy sản.

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 51/2009/TT-BNN; Điều 98 Luật Thú y không quy định về gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.504.813 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 725.775 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 779.038 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,7 %.

49. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ; Mẫu nhãn sản phẩm (01 bộ); không yêu cầu bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao đồng thời phải xuất trình bản chính để kiểm tra trong trường hợp nộp trực tiếp các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO (đối với một số loại hoá chất thông dụng); Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu);

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Quyết định số 10/2006/QĐ-BNN ngày 10/02/2006; Điều 80 Luật Thú y không quy định về phải nộp các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO, Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu).

b) Kiến nghị thực thi: Không.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Do Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Quyết định số 10/2006/QĐ-BNN ngày 10/02/2006; Điều 80 Luật Thú y không quy định về phải nộp các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO, Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.103.935.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 721.610.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 382.325.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,6%.

50. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ; Mẫu nhãn sản phẩm (01 bộ); không yêu cầu bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao đồng thời phải xuất trình bản chính để kiểm tra trong trường hợp nộp trực tiếp các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO (đối với một số loại hoá chất thông dụng); Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu);

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Quyết định số 10/2006/QĐ-BNN ngày 10/02/2006; Điều 82 Luật Thú y không quy định về phải nộp các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO, Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu).

b) Kiến nghị thực thi: Không.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Quyết định số 10/2006/QĐ-BNN ngày 10/02/2006; Điều 82 Luật Thú y không quy định về phải nộp các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO, Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.034.476.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 871.610.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 162.866.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,74%.

51. Thủ tục hành chính: Cấp gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bổ sung quy định về số lượng hồ sơ: 01 bộ; Mẫu nhãn sản phẩm (01 bộ); không yêu cầu bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao đồng thời phải xuất trình bản chính để kiểm tra trong trường hợp nộp trực tiếp các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO (đối với một số loại hoá chất thông dụng); Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu);

Lý do: Giảm chi phí cho doanh nghiệp; phù hợp với quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC.

Ghi chú: Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Quyết định số 10/2006/QĐ-BNN ngày 10/02/2006; Điều 81 Luật Thú y không quy định về phải nộp

các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO, Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu).

b) Kiến nghị thực thi: Không.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Quyết định số 10/2006/QĐ-BNN ngày 10/02/2006; Điều 81 Luật Thú y không quy định về phải nộp các loại giấy chứng nhận GMP hoặc ISO, Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (đối với thuốc nhập khẩu).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.540.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 89.050.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 133.490.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59,98 %.

52. Thủ tục hành chính: Cấp đơn hàng nhập khẩu thuốc thú y (chưa có trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Quy định rõ yêu cầu thành phần hồ sơ: Các loại giấy chứng nhận GMP, ISO, FSC, CPP, MA, CoA kèm trong hồ sơ đăng ký có thể nộp bản chính hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để kiểm tra trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc bản sao y đóng dấu doanh nghiệp.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã thực hiện đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo dự thảo kết quả rà soát. Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Điều 19, 20, 21 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT; Luật Thú y không quy định về cấp đơn hàng nhập khẩu thuốc thú y.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.817.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.234.900 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.582.350 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10,0%.

53. Thủ tục hành chính: Cấp Quyết định khảo nghiệm, thử nghiệm thuốc thú y

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 13.309.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.309.500 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

54. Thủ tục hành chính: Cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi và xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-263473-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: Trong quá trình xây dựng Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT đã rà soát, cắt giảm.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 102.750.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 102.750.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

55. Thủ tục hành chính: Cấp lại mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-263479-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: Trong quá trình xây dựng Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT đã rà soát, cắt giảm.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 32.880.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 32.880.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

56. Thủ tục hành chính: Chỉ định Tổ chức chứng nhận sản phẩm thủy sản được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-240908-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không yêu cầu Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Lý do: Thuận tiện cho tổ chức đăng ký, theo đúng chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.344.800 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.545.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 799.800 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,05 %.

57. Thủ tục hành chính: Chỉ định lại Tổ chức chứng nhận sản phẩm thủy sản được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-240933-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không yêu cầu Bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 7 Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.717.800 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.717.800 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

58. Thủ tục hành chính: Mở rộng phạm vi hoạt động Tổ chức chứng nhận sản phẩm thủy sản được sản xuất, sơ chế phù hợp với Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-240941-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: Thực tế không thực hiện, không phù hợp với hoạt động chứng nhận hiện nay.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Thông tư số 48/2012/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

59. Thủ tục hành chính: Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-282255-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ yêu cầu bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu đối với các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

↓

(ii) Nội dung 2: Bỏ yêu cầu xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với các giấy tờ sau: Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(iii) Nội dung 3: Bỏ yêu cầu xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với các giấy tờ sau: Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khoẻ.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(iv) Nội dung 4: Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra, xếp loại A/B: Bỏ hết các thành phần hồ sơ, trừ đơn đề nghị cấp GCN ATTP.

Lý do: Do cơ sở đã được xếp loại A/B (đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm) nên khi gửi hồ sơ chỉ để đơn đề nghị cấp GCN ATTP.

(v) Nội dung 5: Đề xuất rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP còn 5 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở đã được kiểm tra, xếp loại A/B.

Lý do: Do trường hợp này chỉ cần thẩm tra lại hồ sơ kiểm tra, xếp loại cơ sở và sau đó cấp giấy chứng nhận (không phải tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở).

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.338.000.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.248.125.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.089.875.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 48,18 %.

60. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ yêu cầu bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu đối với các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(ii) Nội dung 2: Bỏ yêu cầu xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với các giấy tờ sau: Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

✍

(iii) *Nội dung 3:* Bộ yêu cầu xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với các giấy tờ sau: Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khoẻ.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.657.750.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.970.375.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 687.375.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,8 %.

61. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: TTHC đã được đơn giản hóa trong quá trình xây dựng văn bản.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 38.050.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 38.050.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

62. Tên Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản lần đầu và khi thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Vì hiện nay đã có quy định về đánh giá phân loại cơ sở theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã đơn giản hóa theo kết quả rà soát. Quyết định số 2519 /QĐ-BNN-PC ngày 22 tháng 6 năm 2016 đã bãi bỏ Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.265.555.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.265.555.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

63. Tên Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản đối với cơ sở đăng ký kiểm tra lại

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Vì hiện nay đã có quy định về đánh giá phân loại cơ sở theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT.

Ghi chú: Quyết định số 2519 /QĐ-BNN-PC ngày 22 tháng 6 năm 2016 đã bãi bỏ Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 42.907.750 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 42.907.750 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

64. Tên Thủ tục hành chính: Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ TTHC này.

Lý do: Vì hiện nay đã có quy định về đánh giá phân loại cơ sở theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT.

Ghi chú: Quyết định số 2519 /QĐ-BNN-PC ngày 22 tháng 6 năm 2016 đã bãi bỏ Thông tư số 41/2010/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 561.977.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 561.977.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

65. Thủ tục hành chính: Kiểm dịch thủy sản thương phẩm vận chuyển trong nước

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213683-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 34.684.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 34.684.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

66. Thủ tục hành chính: Kiểm dịch sản phẩm thủy sản vận chuyển trong nước

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213963-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 34.684.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 34.684.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

Ghi chú: Đã đơn giản hóa và quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn luật thú y.

67. Tên Thủ tục hành chính: Kiểm dịch sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213436-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 474.950.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 474.950.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

Ghi chú: Đã đơn giản hóa và quy định tại Luật và các văn bản hướng dẫn luật thú y.

68. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đóng mới

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-199337-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Không yêu cầu nộp bản chính bản chính “Hợp đồng đóng tàu”.

Lý do: Chỉ cần yêu cầu nộp bản sao chụp có đóng dấu xác nhận của cơ sở hoặc bản sao chụp và mang bản chính để đối chiếu.

(ii) Nội dung 2: Không yêu cầu nộp bản chính “Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp”.

Lý do: Chỉ cần yêu cầu nộp bản sao chụp có đóng dấu xác nhận của cơ sở hoặc bản sao chụp và mang bản chính để đối chiếu.

b) Kiến nghị thực thi:

↳

Sửa điểm b khoản 1 Điều 8 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS và các văn bản có liên quan.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 300.425.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 186.600.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 113.825.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,9%.

69. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-199731-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: rà soát, xem xét lại về thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản chính) kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu (bản chính).

b) Kiến nghị thực thi: xem xét lại điều 8, Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006; Điểm b, khoản 1, điều 5, Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 251.995.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 251.995.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

70. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-199439-TT và B-BNN-199581-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: Thực hiện chủ trương không cho phát triển hình thức này vì đã có quy định về nhập khẩu tàu cá.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS và Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12.112.750 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 12.112.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

71. Thủ tục hành chính: Cấp lại giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 125.525.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 125.525.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

72. Thủ tục hành chính: Cấp sổ thuyền viên tàu cá

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: thực hiện theo TTHC Đăng ký danh sách thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 16, Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.946.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.946.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

73. Thủ tục hành chính: Đăng ký thuyền viên và cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-199442-TT và B-BNN-199585-TT

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 729.525.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 729.525.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

74. Thủ tục hành chính: Cấp phép cho cơ sở đủ điều kiện bồi dưỡng, cấp chứng chỉ tàu cá Thẩm định và Cấp phép tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ thuyền trưởng máy trưởng tàu cá hạng tư và năm cho các cơ sở đào tạo

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: Quy định này đã bị bãi bỏ để phù hợp với Luật Dầu tu.

b) Kiến nghị thực thi: Rà soát, bãi bỏ khoản 2,3 Điều 5 và Điều 6 của Quyết định số 77/2008/QĐ-BNN ngày 30/6/2008.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 362.625 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 362.625 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

75. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.263.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.263.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

76. Thủ tục hành chính: Cấp giấy phép khai thác thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Rà soát điều kiện cấp phép khai thác thủy sản tại Khoản 2, Mục II Thông tư số 02/2006/TT-BTS, Thông tư số 62/2008/TT-BNNPTNT để hoàn thiện nâng lên Nghị định hoặc đưa vào Luật Thủy sản (sửa đổi) theo đúng quy định tại Luật Đầu tư.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.550.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.550.100.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0 %.

77. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ xác nhận của xã phường nơi đặt bè cá. Bỏ Giấy cam kết đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi thủy sản bằng bè cá.

Lý do: Nhằm đơn giản hóa các hồ sơ, tạo thông thoáng cho doanh nghiệp, người dân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3, điều 8 Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS; Khoản 2, điều 5 Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT, Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 179.675.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 154.125.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 25.550.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,22%.

78. Thủ tục hành chính: Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 371.900.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 371.900.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

79. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận thủy sản khai thác

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 628.610.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 628.610.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

80. Thủ tục hành chính: Xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho cá nhân, tổ chức

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ “Giấy tờ chứng minh đã nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí”.

Lý do: Tổ chức/cá nhân nộp phí, lệ phí khi được kiểm tra để xác nhận kiến thức ATTP; không nhất thiết phải nộp phí, lệ phí ngay khi gửi hồ sơ đăng ký.

(ii) Nội dung 2: Bỏ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã” đối với tổ chức.

Lý do: Thành phần hồ sơ này đã yêu cầu khi cơ sở đăng ký kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP (đối với cá nhân không yêu cầu).

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 10 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 124.751.998 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 80.917.247 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 43.834.751 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 35,1%.

81. Thủ tục hành chính: Kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản xuất khẩu đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ yêu cầu công chứng hoặc bản chính để đối chiếu đối với thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/chứng nhận đầu tư”.

Lý do: Việc đối chiếu bản sao với bản chính được thực hiện khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(ii) Nội dung 2: Bỏ GCN đăng ký kinh doanh; báo cáo hiện trạng điều kiện ATTP (trừ sơ đồ quy trình công nghệ và bảng tổng hợp kế hoạch HACCP); danh sách được khám sức khỏe và danh sách được kiểm tra xác nhận kiến thức ATTP.

Lý do: Đối với cơ sở đăng ký bổ sung sản phẩm trong thời kỳ GCN ATTP còn hiệu lực thì các thành phần hồ sơ đề nghị bỏ ở trên được coi như đạt yêu cầu, không cần gửi về Cơ quan kiểm tra.

(iii) Nội dung 3: Bỏ GCN đăng ký kinh doanh; Báo cáo hiện trạng điều kiện ATTP (trừ Sơ đồ bố trí mặt bằng); danh sách được khám sức khỏe và danh sách được kiểm tra xác nhận kiến thức ATTP.

Lý do: Đối với cơ sở đăng ký kiểm tra do sửa chữa, nâng cấp mặt bằng trong thời kỳ GCN ATTP còn hiệu lực thì các thành phần hồ sơ đề nghị bỏ ở trên được coi như đạt yêu cầu, không cần gửi về Cơ quan kiểm tra.

(iv) Nội dung 4: Bỏ GCN đăng ký kinh doanh; Báo cáo hiện trạng điều kiện ATTP; danh sách được khám sức khỏe và danh sách được kiểm tra xác nhận kiến thức ATTP.

Lý do: Đối với cơ sở đăng ký kiểm tra bổ sung thị trường hoặc thay đổi chủ sở hữu trong thời kỳ GCN ATTP còn hiệu lực thì các thành phần hồ sơ đề nghị bỏ ở trên được coi như đạt yêu cầu.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 10 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 190.052.797 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 145.414.830 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 44.637.967 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,5%.

82. Thủ tục hành chính: Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không

a) Nội dung đơn giản hóa:

↓

(i) Nội dung 1: Bỏ yêu cầu bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu đối với các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(ii) Nội dung 2: Bỏ yêu cầu xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với các giấy tờ sau: Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(iii) Nội dung 3: Bỏ yêu cầu xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với các giấy tờ sau: Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(iv) Nội dung 4: Trường hợp cơ sở đã được kiểm tra, xếp loại A/B: Bỏ hết các thành phần hồ sơ, trừ đơn đề nghị cấp GCN ATTP.

Lý do: Do cơ sở đã được xếp loại A/B (đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm) nên khi gửi hồ sơ chỉ để đơn đề nghị cấp GCN ATTP.

(v) Nội dung 5: Đề xuất rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP còn 5 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở đã được kiểm tra, xếp loại A/B.

Lý do: Do trường hợp này chỉ cần thẩm tra lại hồ sơ kiểm tra, xếp loại cơ sở và sau đó cấp giấy chứng nhận (không phải tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở).

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 339.379.995 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 247.615.997 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 91.763.999 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,04 %.

83. Thủ tục hành chính: cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ yêu cầu bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu đối với các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(ii) *Nội dung 2:* Bỏ yêu cầu xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với các giấy tờ sau: Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

(iii) *Nội dung 3:* Bỏ yêu cầu xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với các giấy tờ sau: Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khoẻ.

Lý do: Đoàn kiểm tra có thể đối chiếu khi kiểm tra thực tế tại cơ sở.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 135.751.998 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 117.566.718 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 18.185.280 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,4 %.

84. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: TTHC đã được đơn giản hóa trong quá trình xây dựng văn bản.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15.552.720 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.552.720 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

85. Thủ tục hành chính: Cấp đổi Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: Trong quá trình xây dựng Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT thay thế Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT, TTHC này đã được đơn giản hóa tối đa. TTHC cũng đã được rà soát lại sau khi nhận được kiến nghị của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.465.120 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.465.120 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

86. Thủ tục hành chính: Đăng ký xác nhận hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: Tạo thông thoáng cho doanh nghiệp, nghiên cứu quy định chia sẻ thông tin giữa các đơn vị để có số liệu về sản xuất, xuất khẩu phục vụ quản lý.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 9 Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 và sửa đổi Nghị định số 36/2014.

Ghi chú: dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 36/2014 đang trình Chính phủ đã bỏ TTHC này (theo đúng dự thảo phương án đơn giản hóa này).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.647.321.483 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.647.321.483 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

87. Thủ tục hành chính: Đăng ký xác nhận lại hợp đồng xuất khẩu sản phẩm cá Tra

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ TTHC này.

Lý do: Tạo thông thoáng cho doanh nghiệp, nghiên cứu quy định chia sẻ thông tin giữa các đơn vị để có số liệu về sản xuất, xuất khẩu phục vụ quản lý.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Điều 9 Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 và sửa đổi Nghị định số 36/2014 sẽ nghiên cứu bổ sung các quy định để có thể quản lý hoạt động xuất khẩu có hiệu quả.

Ghi chú: dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 36/2014 đang trình Chính phủ đã bỏ TTHC này (theo đúng dự thảo phương án đơn giản hóa này).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 478.806.394 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 478.806.394 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

↓

88. Thủ tục hành chính: Công bố danh sách cơ sở sản xuất kinh doanh được phép xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: TTHC này đã được rà soát theo Đề án 30 về cải cách thủ tục hành chính. Mặt khác, đối tượng áp dụng là các cơ sở SXKD thủy sản của nước ngoài và cơ quan thẩm quyền nước ngoài, do đó không ảnh hưởng tới chi phí thủ tục hành chính của doanh nghiệp Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 23.296.838 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23.296.838 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

89. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản xuất khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Sửa “Bản sao có chứng thực xác nhận công bố hợp chuẩn, hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành” thành “Bản sao có chứng thực xác nhận công bố hợp chuẩn, hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; hoặc bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP của cơ sở”.

Lý do: Đối với thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm, các cơ sở sản xuất đều được chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP theo quy định của Luật An toàn thực phẩm và đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện bảo đảm ATTP, do vậy không cần thiết phải công bố hợp chuẩn hoặc công bố hợp quy.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 84.290.120 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.757.560 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 79.532.560 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 94,36%.

90. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thủy sản xuất khẩu sản xuất tại cơ sở trong Danh sách ưu tiên

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ yêu cầu gửi “Giấy đăng ký cấp chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu” đối với lô hàng xuất khẩu vào EU sau khi hệ thống TRACES được chính thức triển khai áp dụng.

Lý do: Đối với thị trường EU, trong thời gian tới việc đăng ký và cấp chứng thư sẽ được thực hiện qua hệ thống TRACES (đăng ký và cấp chứng thư điện tử).

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.099.535.965 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.399.582.369 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.699.953.597 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.47%.

91. Thủ tục hành chính: Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho lô hàng thủy sản xuất khẩu sản xuất tại cơ sở ngoài danh sách ưu tiên

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ yêu cầu gửi “Giấy đăng ký kiểm tra” đối với lô hàng xuất khẩu vào EU sau khi hệ thống TRACES được chính thức triển khai áp dụng.

Lý do: Đối với thị trường EU, trong thời gian tới việc đăng ký và cấp chứng thư sẽ được thực hiện qua hệ thống TRACES (đăng ký và cấp chứng thư điện tử).

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 29 Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 11.485.642.502 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.369.164.737 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 116.477.765 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,01%.

92. Thủ tục hành chính: Cấp Giấy xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: TTHC này được rà soát, đơn giản hóa theo Đề án 30 về cải cách thủ tục hành chính khi xây dựng Thông tư 28/2011/TT-BNNPTNT và Thông tư số 50/2015/TT-BNN đã thay thế Thông tư số 28/2011/TT-BNNPTNT đã đơn giản hóa một số nội dung.

b) Kiến nghị thực thi: Không

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 306.531.516 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: : 306.531.516 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

93. Thủ tục hành chính: Cấp chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: Trong quá trình xây dựng Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT thay thế Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT, TTHC này đã được đơn giản hóa tối đa. TTHC cũng đã được rà soát lại sau khi nhận được kiến nghị của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP).

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 31.440.320 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 31.440.320 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

94. Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận xuất xứ nhuyễn thể hai mảnh vỏ

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: TTHC này đã được cắt giảm tối đa theo Đề án 30 về cải cách thủ tục hành chính khi xây dựng Thông tư 23/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung Quyết định số 131/2008/QĐ-BNN.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.903.895.980 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.903.895.980 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

95. Thủ tục hành chính: Kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao phiếu kết quả xét nghiệm bệnh thủy sản (nếu có)”.

Lý do: Do bệnh thủy sản thường biến động rất nhanh nên đến thời điểm kiểm tra/kiểm dịch lô hàng thì kết quả xét nghiệm này không còn ý nghĩa.

✍

(ii) Nội dung 2: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nuôi trồng thủy sản đối với những loài có tên trong Danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện hoặc Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu”.

Lý do: Trường hợp thủy sản trong danh mục xuất khẩu có điều kiện không phải xin giấy phép; đối với thủy sản trong danh mục cấm xuất khẩu thì cũng không được phép xuất khẩu dùng làm thực phẩm nên sẽ không có giấy phép.

(iii) Nội dung 3: Bỏ thành phần hồ sơ “Bản yêu cầu về các chỉ tiêu kiểm dịch của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu”.

Lý do: Việc thực hiện kiểm dịch chỉ thực hiện khi có thỏa thuận/yêu cầu của nước nhập khẩu, cơ quan thẩm quyền đã biết; không yêu cầu cơ sở cung cấp. Việc yêu cầu cung cấp danh mục chỉ tiêu cần kiểm dịch chỉ áp dụng đối với kiểm dịch vụ (theo yêu cầu của chủ hàng).

(iv) Nội dung 4: Bỏ thành phần hồ sơ “Mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu”.

Lý do: Việc thực hiện kiểm dịch chỉ thực hiện khi có thỏa thuận/yêu cầu của nước nhập khẩu, cơ quan thẩm quyền đã biết; không yêu cầu cơ sở cung cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi quy định tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Ghi chú: Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT hướng dẫn Luật Thú y đã bãi bỏ Thông tư 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 và không quy định thủ tục “Kiểm dịch thủy sản, sản phẩm thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm” mà thực hiện kiểm tra chất lượng theo Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật An toàn thực phẩm. Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã đơn giản hóa theo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.856.275.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.645.275.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 211.000.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11,37%.

96. Tên Thủ tục hành chính: Kiểm dịch thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213383-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Không yêu cầu bản sao chứng thực Giấy phép của cơ quan Kiểm lâm đối với thủy sản, sản phẩm thủy sản thuộc những loài có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES;

Lý do: Giảm chi phí, đơn giản hóa việc thực hiện thủ tục hành chính.

✓

Ghi chú: Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT hướng dẫn Luật Thú y đã bãi bỏ Thông tư 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 và đã bỏ thành phần bản sao chứng thực Giấy phép của cơ quan Kiểm lâm.

(ii) Nội dung 2: Không yêu cầu bản sao chứng thực Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nuôi trồng thủy sản đối với những loài có tên trong Danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện hoặc Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu;

Lý do: Giảm chi phí, đơn giản hóa việc thực hiện thủ tục hành chính, cần thiết sẽ xác minh.

Ghi chú: Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT hướng dẫn Luật Thú y đã bãi bỏ Thông tư 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 và đã bỏ bản sao chứng thực Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền nuôi trồng thủy sản đối với những loài có tên trong Danh mục các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện hoặc Danh mục các loài thủy sản cấm xuất khẩu (chỉ yêu cầu bản sao). Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo kết quả rà soát.

(iii) Nội dung 3: Quy định rõ các bản sao khi nộp chỉ cần có xác nhận sao y của chủ hàng.

Lý do: Giảm chi phí chứng thực hồ sơ.

(iv) Nội dung 4: Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 10 ngày xuống còn 05 ngày.

Lý do: Giảm thời gian chờ đợi của chủ hàng.

(v) Nội dung 5: Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email, fax (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

Lý do: Quy định cụ thể về việc nộp hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT (Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT hướng dẫn Luật Thú y đã bãi bỏ Thông tư 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010). Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo kết quả rà soát.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.645.402.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.309.422.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 335.980.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,42%.

97. Thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật thủy sản

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

↓

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.462.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.462.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

98. Thủ tục hành chính: Xử lý trường hợp lô hàng thủy sản sản xuất khẩu bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo không bảo đảm an toàn thực phẩm

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: Không.

a) Nội dung đơn giản hóa: Không.

Lý do: Trong quá trình xây dựng Thông tư 48/2013/TT-BNNPTNT thay thế Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT, TTHC này đã được đơn giản hóa tối đa. TTHC cũng đã được rà soát lại sau khi nhận được kiến nghị của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi: Không.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 32.660.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 32.660.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

99. Tên Thủ tục hành chính: Khai báo và Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản nhập khẩu dùng làm nguyên liệu gia công chế biến xuất khẩu

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213393-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thủ tục hành chính này, ghép vào thủ tục Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để gia công, sản xuất xuất khẩu thực phẩm; sản phẩm động vật thủy sản làm hàng mẫu để gia công, sản xuất xuất khẩu thực phẩm (và theo hướng đăng ký kiểm dịch một lần, không phải thực hiện khai báo sau đó lại làm đăng ký kiểm dịch).

Lý do: Giảm số lượng thủ tục hành chính đối với những thủ tục hành chính tương tự nhau, đơn giản hóa tạo thông thoáng cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa Thông tư 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo kết quả rà soát. Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 06/2010/TT-BNN; Khoản 3 Điều 4 và Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đã ghép nội dung khai báo kiểm dịch nhập khẩu sản phẩm động vật thủy sản làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu với nội dung kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài; sản phẩm động vật thủy sản làm hàng mẫu; sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu bị triệu hồi hoặc bị trả về. Đã quy định rõ về số lượng hồ sơ, hồ sơ là bản sao chụp; giảm thời gian thực hiện TTHC, cách thức nộp hồ sơ (theo phương án nêu trên), tiếp tục rà soát theo nội dung phương án đơn giản hóa.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 370.930.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 370.930.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

100. Tên Thủ tục hành chính: Kiểm dịch sản phẩm thủy sản nhập khẩu từ tàu đánh bắt hải sản nước ngoài

Mã số TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia: B-BNN-213436-TT.

a) Nội dung đơn giản hóa:

(i) Nội dung 1: Quy định rõ các bản sao khi nộp chỉ cần có xác nhận sao y của chủ hàng.

Lý do: Giảm chi phí chứng thực hồ sơ, tạo thông thoáng cho doanh nghiệp đảm bảo theo tinh thần Nghị quyết số 19/NQ-CP.

(ii) Nội dung 2: Giảm thời gian làm thủ tục hành chính từ 11 ngày làm việc xuống còn 8 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian chờ đợi thực hiện thủ tục hành chính.

(iii) Nội dung 3: Bổ sung quy định số lượng hồ sơ.

Lý do: Quy định cụ thể về số lượng hồ sơ.

(iv) Nội dung 4: Bổ sung cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc gửi qua email, fax (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

Lý do: Quy định cụ thể về việc nộp hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư 06/2010/TT-BNN ngày 02/02/2010.

Ghi chú: Trong quá trình rà soát thủ tục hành chính đã đơn giản hóa khi xây dựng văn bản theo kết quả rà soát. Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đã bãi bỏ Thông tư 06/2010/TT-BNN; Khoản 3 Điều 4 và Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đã quy định rõ về số lượng hồ sơ, hồ sơ là bản sao chụp; giảm thời gian thực hiện TTHC, cách thức nộp hồ sơ (theo phương án nêu trên), sẽ tiếp tục rà soát theo nội dung phương án đơn giản hóa.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 153.465.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 134.970.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 18.495.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,5%.

L